BUỔI 1

1. Favicon: biểu tượng khi mở tab

 <link rel="shortcut icon"

       href=""

       type="image/x-icon">

1. html:5 mở ra tab mới đã có sẵn các yếu tố căn bản
2. Có nội dung thẻ → mở + đóng
3. <!-- --> (ctrl ?) ghi chú

\* Một trang web chỉ nên có một tiêu đề H1

1. <block> : tạo khối, chiếm toàn bộ không gian dù không dùng hết

<inline>: dù đến đâu chiếm đến đó

1. HEADING: H1, H2, H3, H4, H5, H6
2. &lt; → < &gtl → >
3. Cách viết thẻ:

<p> </p>

<meta charset= “utf-8”/> (khai báo sử dụng utf-8 )

1. Dùng <pre> viết như thế nào giống như vậy

<br> xuống dòng

1. **FORMAT TEXT**
2. <b> chỉ in đậm
3. <i> chỉ in nghiêng
4. <strong> in đậm, thể hiện nội dung bên trong là quan trọng (tạo keyword, trích câu nói…)
5. <em> in nghiêng, nhấn mạnh nội dung bên trong

<strong> nhấn mạnh hơn <em>

1. **Dẫn link:**

 <a href="" target="\_blank" （nhấn vào chữ mở tab mới） title="Đi đến Google" (hiện ở con trỏ chuột) >Google</a>

1. **Thẻ hiển thị ảnh**

①Lấy ảnh từ trên mạng

<img src="" (nguồn)

     alt=""

     width="400px"

     title=""/>

Đường dẫn tuyệt đối (dẫn thẳng đến, không sửa)

Width= chiều rộng

Height= chiều cao

Max-width, max-height

Min-width, min-height

②Lấy ảnh từ trong máy tính:

<img src="./images/1.jpg" alt="Lisa1"/>

./ lấy vị trí thư mục hiện tại

../ lùi một cấp

../../ lùi hai cấp

Đường dẫn tương đối (lấy ảnh từ trong máy tính)

Img: thẻ inline

Đường dẫn gốc tương đối

1. **Thẻ danh sách:**

Có thứ tự: <ol><li>

Không có thứ tự: <ul><li>

**CSS**

1. **Ba cách để nhúng CSS và một trang html**

Inline style: sử dụng attribute style

Internal style: sử dụng thẻ <style>

External style: sử dụng thẻ <link>

 <link rel="stylesheet" type="text/css" href="mau.css"/>

        <!-- lưu attribute thành một file css riêng và dùng link dẫn sang -->

1. Ctrl R → reload trang
2. **Thẻ có hai thuộc tính**

h3 {

            color:darkgrey !important;

            color:cornflowerblue;

        }

1. **Color:**

* Color name
* Hexadecimal color

VD:  color: #0000ff

(00: miêu tả màu đỏ; 00: green; ff:blue) ( biểu thị hệ cơ số 16: 00-FF)

#ffffff→ #fff (white)

#000 (black)

* RGB color

VD: color: rgb(00,00,00);

(00-255)

* RGBA ( 0,0,25, độ trong suốt)

Alpa (0 →1)

1: đậm bình thường

0,5:giảm đi một nửa

1. **Selector:**

* Element selector

Dùng chính tên element làm selector:

h3, h1 {

            color: #0000ff;

            color: rgb(00,00,00);

* ID selector (id chỉ có một phần tử)

<p id="tindon">

#tindon {

            color: rosybrown;

        }

* Class selector (một class có thẻ gồm nhiều phần tử)

<p class="tr1">

.tr1 {

            color: salmon;

        }

\* Mức độ ưu tiên của selector (khi style trùng nhau) theo thứ tự giảm dần: Inline style, ID selector, Class selector, Element selector.

Selector giống nhau thì cái viết sau sẽ đè lên cái trước và cái nào chi tiết hơn thì sẽ có mức ưu tiên cao hơn:

p.paragraph {

color: blue;}

.paragraph {

color: red;}

/\* Kết quả là đoạn văn có chữ màu xanh vì selector bên trên có độ ưu tiên cao hơn \*/

  p.tr1 {

            color: blue;

        }

→ Chọn tất cả element có tên class tr1

 p#tr1{

            color: blue;

        }

    </style>

→ Chọn tất cả element có tên id tr1

Một số selectors khác:

|  |  |
| --- | --- |
| ****\***** | Chọn tất cả element |
| ****.box1, .box2**** | Chọn toàn bộ element có class="box1" và toàn bộ element có class="box2" |
| ****.box1.box2**** | Chọn những element mà có đồng thời cả 2 class "box1" và "box2" (class="box1 box2") |
| ****.box1 .box2**** | Chọn toàn bộ element có class="box2" mà nằm bên trong element có class="box1" |
| ****.box1 > .box2**** | Chọn những element có class="box2" mà bao quanh trực tiếp bởi element có class="box1" |

1. **Styling text**

Text - align: căn vị trí text (trái, phải, giữa, đều hai bên - justify)

Text - transformation (chuyển sang dạng viết hoa - uppercase, viết thường- lowercase, viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi chữ - capitalize)

Text - decoration: thêm dấu gạch ngang - line-through, gạch chân - underline…

1. **Đơn vị trong CSS:**

Px: Pixels (điểm ảnh trên màn hình máy tính)

Em: Tương đương với kích thường của font hiện dùng ( nếu font-size hiện dùng là 16px thì 1em = 16px)

font-size: 19px;

 text-indent: 30px;

→Dòng đầu tiên lùi vào 30px

Quy định chiều cao của 1 dòng ta dùng thuộc tính ****line-height****.

Thay đổi hướng chữ bằng thuộc tính ****direction,****ví dụ****direction:rtl****

****Buổi 2****

1. ****Margin: <lề bên ngoài của phần tử > <khoảng cách giữa hai phần tử với nhau>****

****Padding: lề bên trong (nội dung hiện thị so với viền của nó → to ra)****

****Có bốn giá trị: top right bottom left****

****2 cách viết:****

****→Margin-top****

****→Margin: T R B L (10px 20px 30px 40px)****

****Margin auto: cho vào giữa (tự động tính)****

****Thứ tự ưu tiên: Inline - internal - external****

****CSS layout****

****Dùng dislay: flex****

****Flex-wrap: tràn hàng xuống****

****Flex-flow: cách viết gộp lại****

****Justify: theo trục chính****

****Align-items: trục vuông góc với trục chính ( chiều dọc)****